

Tôi, Bạn & Họ

wǒ nǐ tā tā
我 · 你 · 他 · 她

Hãy cùng học cách nói "tôi," "bạn," "anh ấy" và "cô ấy" trong tiếng Trung nhé.
Bạn cũng có thể giới thiệu bạn bè của mình!

Từ Mới

我

1

wǒ

tôi / mình

你

2

nǐ

bạn

他

3

tā

anh ấy / cậu ấy

她

4

tā

cô ấy / bạn gái ấy

我们

5

wǒmen

chúng tôi / chúng ta

Bạn Có Nói Được Không?

wǒ shì xiǎomíng
我是小明。

1

Tôi là Tiểu Minh.

nǐ shì xiǎohóng
你是小红。

2

Bạn là Tiểu Hồng.

tā shì xiǎolóng
他是小龙。

3

Anh ấy là Tiểu Long.

tā shì wáng lǎo shī
她是王老师。

4

Cô ấy là cô giáo Vương.

wǒ men shì tóngxué
我们是同学。

5

Chúng tôi là bạn cùng lớp.



Câu Chuyện



CẢNH 1 — Trong lớp học, chúng ta tự giới thiệu



xiǎomíng
小明

nǐ hǎo wǒ shì xiǎomíng
你好！我是小明。

= Xin chào! Tôi là Tiểu Minh.



xiǎohóng
小红

nǐ hǎo wǒ shì xiǎohóng
你好！我是小红。

= Xin chào! Tôi là Tiểu Hồng.



xiǎomíng
小明

tā shì xiǎolóng
他是小龙。

= Anh ấy là Tiểu Long.



xiǎolóng
小龙

nǐ men hǎo wǒ men shì tóngxué
你们好！我们是同学。

= Xin chào tất cả mọi người! Chúng ta là bạn cùng lớp.



Ghi Chú Ngữ Pháp

Từ Chỉ Người

我^{wǒ} = tôi / mình (bản thân bạn), 你^{nǐ} = bạn (người bạn đang nói chuyện cùng), 他^{tā} = anh ấy / cậu ấy (một bé trai hoặc nam), 她^{tā} = cô ấy / bạn gái ấy (một bé gái hoặc nữ). 他 và 她 đọc hoàn toàn giống nhau - chỉ khác nhau ở chữ Hán thôi nhé!

① 我^{wǒ} (tôi / mình) / 你^{nǐ} (bạn)

② 他^{tā} (anh ấy - bé trai) / 她^{tā} (cô ấy - bé gái)

"...và bạn bè" = 们^{men}

Thêm 们^{men} vào sau từ chỉ người để biến thành số nhiều - giống như thêm "các" hoặc "chúng" để nói "chúng tôi," "các bạn," hay "họ."

① 我^{wǒ} → 我们^{wǒmen} (chúng tôi / chúng ta)

② 你^{nǐ} → 你们^{nǐmen} (các bạn)



Thử Xem Nào!

DÙNG TỪ NÀO?

Bạn sẽ dùng từ tiếng Trung nào trong môi trường dưới đây?

① nói về bản thân mình → ^{wǒ} 我

② người đang đứng ngay trước mặt bạn → ^{nǐ} 你

③ bé trai đứng đằng kia → ^{tā} 他

④ bé gái đứng đằng kia → ^{tā} 她

⑤ bản thân bạn và các bạn của mình → ^{wǒ men} 我们

ĐỔI VÀ NÓI

Trong câu "他是^{tā shì}○○。" hãy đổi ○○ thành tên của một người bạn và giới thiệu họ nhé!

^{tā shì xiǎolóng}
他是小龙。(Anh ấy là Tiểu Long.)

^{tā shì xiǎohóng}
她是小红。(Cô ấy là Tiểu Hồng.)

